

Đồng Phúc, ngày 02 tháng 7 năm 2026

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục phổ thông năm học 2025-2026

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện	300	120	101	79
1	Tốt (tỷ lệ so với Tổng số)	64.33%	62.50%	62.38%	69.62%
2	Khá (tỷ lệ so với Tổng số)	22.00%	21.67%	22.77%	21.52%
3	Đạt (tỷ lệ so với Tổng số)	9.33%	6.67%	12.87%	8.86%
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với Tổng số)	4.33%	9.17%	1.98%	0.00%
II	Số học sinh chia theo kết quả học tập	300	120	101	79
1	Tốt (tỷ lệ so với Tổng số)	6.33%	5.00%	5.94%	8.86%
2	Khá (tỷ lệ so với Tổng số)	49.67%	39.17%	56.44%	56.96%
3	Đạt (tỷ lệ so với Tổng số)	42.33%	52.50%	36.63%	34.18%
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với Tổng số)	1.67%	3.33%	0.99%	0.00%
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	300	120	101	79
1	Lên lớp(tỷ lệ so với tổng số)	95.00%	90.00%	97.03%	100.00%
a	Học sinh Xuất sắc (tỷ lệ so với Tổng số)	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
b	Học sinh Giỏi (tỷ lệ so với Tổng số)	6.00%	4.17%	5.94%	8.86%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0.67%	0.83%	0.99%	0.00%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	1.00%	2.50%	0.00%	0.00%
4	Chuyển trường đến / đi (tỷ lệ so với tổng số)	0.33%	0.00%	0.00%	1.27%
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm (tỷ lệ so với tổng số)	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
IV	Học sinh đạt các giải các kỳ thi học sinh giỏi	9	1	5	3
1	Cấp tỉnh/ thành phố	9	1	5	3
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	79	0	0	79
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	79	0	0	79
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng		0	0	
VIII	Số học sinh nữ	142	44	52	46
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	300	120	101	79

HIỆU TRƯỞNG

Dương Thị Lanh